

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

KINH SỐ 5

Nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Hoặc có khi uy quyền của vua không phổ cập, trộm cướp tranh nhau nổi lên. Khi trộm cướp nổi lên, nhân dân trong các thôn xóm, thành thị, thấy đều bị bại vong. Hoặc có người gặp phải đói khát mà mạng chung. Giả sử chúng sinh ấy vì đói khát mà mạng chung, đều rơi vào ba nẻo dữ.

Ở đây, với Tỳ-kheo tinh tấn cũng vậy. Nếu sự trì giới bị sút kém, khi ấy ác Tỳ-kheo tranh nhau khởi lên làm ác. Khi Tỳ-kheo tranh nhau nổi lên làm ác, Chánh pháp dần dần suy giảm, phi pháp tăng trưởng. Khi phi pháp tăng trưởng, chúng sinh ở đó đều rơi vào ba nẻo dữ.

Hoặc khi uy quyền của vua lan xa, khiến cho giặc cướp lẫn trốn. Do uy quyền của vua lan xa mà nhân dân trong thành thị, thôn xóm trở nên đông đúc. Ở đây, với Tỳ-kheo tinh tấn cũng vậy. Nếu trì giới trọn vẹn, Tỳ-kheo phạm giới dần dần suy giảm, chánh pháp hưng thịnh. Bấy giờ, chúng sinh sau khi mạng chung thấy đều sinh lên trời, sinh trong loài người.

Cho nên, Tỳ-kheo, hãy tâm niệm giới luật cho đầy đủ; uy nghi, lễ tiết, không có điều gì khuyết giảm. Như vậy, Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 6

Nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Chẳng thà cứ thường hay ngủ nhiều, chớ đừng trong khi thức mà tư duy loạn tưởng, để rồi thân hoại mạng chung sinh vào nẻo dữ.

Chẳng thà để cho dùi sắt đang rọc cháy ịn vào mắt, chứ không để nhìn sắc mà nổi lên loạn tưởng. Tỳ-kheo khởi tưởng như vậy bị bại hoại bởi thức. Tỳ-kheo bị hủy hoại bởi thức sẽ rơi vào ba nẻo dữ, địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Điều Ta muốn nói là như vậy.

Người kia chẳng thà cứ thường hay ngủ, chớ đừng khi thức mà tư duy loạn tưởng. Thà lấy dùi bén đâm vào lỗ tai cho nó hư hoại chứ không để vì nghe tiếng mà nổi lên loạn tưởng. Tỳ-kheo nổi lên loạn tưởng sẽ bị bại hoại bởi thức.

Chẳng thà cứ thường xuyên ngủ chớ đừng để khi thức mà tư duy loạn tưởng. Chẳng thà lấy kim nóng làm hư hoại mũi, chớ đừng vì ngửi mùi mà nổi lên loạn tưởng. Tỳ-kheo nổi lên loạn tưởng thì bị bại hoại bởi thức. Do bị bại hoại bởi thức mà rơi vào ba nẻo dữ, địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ.

Điều mà Ta muốn nói là như vậy.

Chẳng thà lấy gươm bén cắt đứt lưỡi, chứ không để vì lời nói hung dữ, thô bạo, mà rơi vào ba nẻo dữ, địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Chẳng thà thường ngủ, chứ đừng để trong khi thức mà nổi lên tư duy loạn tưởng. Chẳng thà lấy tấm lá đồng nóng đỏ quấn quanh thân mình, chứ không giao thông với phụ nữ của trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn. Nếu cùng giao thông, qua lại chuyện trò, tất phải rơi vào ba nẻo dữ, địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ.

Điều Ta muốn nói chính là như vậy.

Chẳng thà thường hay ngủ, chớ đừng để trong khi thức mà có ý nghĩ muốn phá hoại Thánh chúng. Đã phá hoại Thánh chúng, đọa tội ngũ nghịch, thì dù có đến ức ngàn chư Phật cũng không thể cứu chữa. Những ai gây đấu loạn giữa chúng, người ấy sẽ đọa tội không thể cứu chữa. Vì vậy ở đây Ta nói: “Chẳng thà cứ hay ngủ, chứ đừng để trong khi thức mà có ý muốn phá hoại Thánh chúng, chịu tội không thể cứu chữa.”

Cho nên, Tỳ-kheo, hãy gìn giữ sáu tình chớ để sai sót. Như vậy, Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 7

Nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ trưởng A-na-bân-đề¹ có bốn người con². Chúng không thờ Phật, Pháp, Thánh chúng, không tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng. Trưởng giả A-na-bân-đề nói với bốn người con:

–Các con, hãy tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng, để được phước vô lượng lâu dài.

Các con thưa:

–Thưa cha, chúng con không thể tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng.

A-na-bân-đề nói:

–Cha sẽ cho các con mỗi đứa một ngàn lượng vàng ròng, nếu nghe lời cha mà tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng.

Các con thưa:

–Chúng con cũng không thể tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng.

Người cha lại nói:

–Cha cho các con hai ngàn.

Rồi cứ thêm: Ba ngàn, bốn ngàn, năm ngàn lượng vàng: “Các con, hãy tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng, để được phước vô lượng lâu dài.”

Các con sau khi nghe nói vậy, im lặng nhận lời. Rồi chúng hỏi:

–Chúng con sẽ tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng như thế nào?

Trưởng giả A-na-bân-đề đáp:

–Các con tất cả theo cha đi đến Thế Tôn. Thế Tôn có dạy điều gì, các con hãy ghi nhớ mà vâng làm.

¹. Để bản chép nhầm là A-na-bân-kỳ 阿那那祁. kinh số 4 phẩm 10: A-na-bân-trì 阿那那持; kinh số 3 phẩm 27: A-na-bân-đề 阿那那邸. Pāli: Anāthapiṇḍika (Skt. Anāthapiṇḍada).

². Theo nguồn Pāli, ông có một con trai tên Kāla, và ba người con gái: Mahā-Subhaddā, Cūla-Subhaddā, Sumanā.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Các con thưa với cha:

–Như Lai nay đang ở đâu, cách đây gần xa?

Người cha đáp:

–Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, nay đang ở tại nước Xá-vệ, trú trong vườn của cha.

Rồi thì A-na-bân-đề dẫn bốn người con đi đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, cúi đầu lạy dưới chân, rồi đứng sang một bên. Khi ấy, trưởng giả A-na-bân-đề bạch Thế Tôn rằng:

–Bốn đứa con của con đây chưa tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng. Gần đây, con cho mỗi đứa năm ngàn lượng vàng, khuyến khích thờ Phật, Pháp, Thánh chúng. Cúi mong Thế Tôn thuyết pháp cho chúng, để chúng được phước vô lượng lâu dài.

Bấy giờ Thế Tôn lần lượt thuyết pháp cho bốn người con của ông trưởng giả, khiến cho được hoan hỷ. Các người con của ông trưởng giả sau khi nghe pháp, hoan hỷ phấn khởi không thể dừng được, quỳ mọp trước Phật, bạch Thế Tôn rằng:

–Chúng con mỗi đứa tự quy y Thế Tôn, Chánh pháp, Thánh chúng. Từ nay về sau không sát sinh, cho đến không uống rượu.

Nói như vậy ba lần. Khi ấy trưởng giả A-na-bân-đề bạch Thế Tôn rằng:

–Nếu có ai xuất tài vật thuê người thờ Phật, người ấy được phước như thế nào?

Thế Tôn nói:

–Lành thay. lành thay! Trưởng giả, vì để người trời được an lạc mà ông hỏi Như Lai nghĩa này. Hãy khéo suy nghĩ, Ta sẽ nói cho ông nghe.

Trưởng giả vâng lời Phật, lắng nghe.

Thế Tôn nói:

–Có bốn kho báu lớn³. Những gì là bốn?

1. Kho của rồng Y-bát-la ở nước Càn-đà-vệ, là một kho. Trong cung này chứa đầy vô số vật trân bảo.

2. Kho Ban-trù ở nước Mật-đế-la, chứa trân bảo nhiều vô lượng không thể kể hết.

3. Kho Tân-già-la tại nước Tu-lại-tra, chứa trân bảo nhiều không thể kể.

4. Kho Tương-khư tại nước Bà-la-nại chứa trân bảo nhiều không thể kể.

Giả sử trai gái lớn nhỏ trong cõi Diêm-phù-địa mỗi người đến khuân vác trong suốt bốn năm, bốn tháng, bốn ngày, kho Y-bát-la vẫn không hề vơi bớt. Mỗi người đến lấy nơi kho Ban-trù, suốt bốn năm, bốn tháng, bốn ngày, kho vẫn không vơi bớt. Mỗi người đến lấy nơi kho Tân-già-la tại nước Tu-lại-tra, suốt bốn năm, bốn tháng, bốn ngày, kho vẫn không vơi bớt. Mỗi người đến lấy nơi kho Tương-khư tại nước Bà-la-nại, suốt bốn năm, bốn tháng, bốn ngày, kho vẫn không vơi bớt.

Này trưởng giả, đó là bốn kho lớn, mà trai gái lớn nhỏ trong cõi Diêm-phù-địa mỗi người đến khuân vác trong suốt bốn năm, bốn tháng, bốn ngày, vẫn không hề vơi bớt.

Trong đời tương lai có Phật hiệu Di-lặc xuất hiện ở đời. Quốc giới bấy giờ có tên là Kê-đầu, đó là chỗ vua cai trị, Đông sang Tây mười hai do-diên; Nam đến Bắc bảy do-diên. Nhân dân đông đúc. Thóc lúa dồi dào. Chung quanh thành Kê-đầu nơi vua cai trị có bảy lớp ao nước, mỗi cái rộng một do-diên, mà đáy là cát vàng. Trong ao mọc các loại hoa sen ưu-bát, câu-vật-đầu, phân-đà-lợi. Nước tượng màu vàng, màu bạc, màu thủy tinh, màu lưu ly. Khi nước bạc đông cứng, nó trở thành bạc. Khi nước vàng đông cứng, nó trở thành vàng. Khi nước thủy tinh đông cứng, nó trở thành thủy tinh. Khi nước lưu ly đông

³. Xem kinh số 3 phẩm 48 trên.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

cứng, nó trở thành lưu ly.

Này trưởng giả nên biết, thành có bốn cửa. Trong ao nước bạc, bậc cửa được làm bằng vàng. Trong ao nước vàng, bậc cửa được làm bằng bạc. Trong ao thủy tinh, bậc cửa được làm bằng lưu ly. Trong ao lưu ly, bậc cửa được làm bằng thủy tinh.

Trưởng giả nên biết, chung quanh thành Kê-đầu bấy giờ treo các linh. Tiếng linh khi được nghe đều phát ra âm thanh năm loại nhạc. Trong thành này thường xuyên có bảy loại tiếng. Những gì là bảy? Đó là tiếng loa, tiếng trống, tiếng đàn, tiếng trống nhỏ, tiếng trống tròn⁴, tiếng trống trận⁵, tiếng ca múa.

Trong thành Kê-đầu lúc bấy giờ sinh thứ lúa tự nhiên dài ba tấc, rất là thơm ngon, cho ra các mùi vị thượng hạng; vừa gặt xong thì sinh trở lại, không thấy chỗ đã bị cắt lấy.

Vua thời bấy giờ tên là Tương-khư⁶, cai trị bằng pháp, có đầy đủ bảy báu. Trưởng giả nên biết, vị đại thần điển tàng lúc đó tên là Thiện Bảo, đức cao, trí tuệ, Thiên nhân đệ nhất. Ông có thể biết chỗ nào có kho tàng bảo vật. Nếu kho có chủ, ông tự nhiên giữ gìn. Nếu là kho vô chủ, ông lấy đem dâng cho vua. Trong lúc đó, Long vương Y-bát-la, Long vương Ban-trù, Long vương Tân-già-la, Long vương Tương-khư; bốn Long vương này quản lý bốn kho báu. Các vị này đến nói với quan điển tàng Thiện Bảo:

–Cần gì, chúng tôi sẽ cung cấp.

Khi ấy bốn Long vương nói:⁷

–Xin nguyện dâng hiến bảo vật trong bốn kho để tự ý sử dụng.

Điển tàng Thiện Bảo liền lấy bảo vật trong bốn kho dâng lên vua Tương-khư, cùng với xe bảo vũ⁸ bằng vàng.

Bấy giờ, Thế Tôn nói bài kệ này:

*Y-la ở Kiên-đà
Ban-trù tại Mật-si⁹
Tân-già nước Tu-lại
Tương khư, Ba-la-nại.
Đây là bốn kho báu
Tràn đầy các bảo vật
Bấy giờ thường xuất hiện
Do công đức mà có;
Dem dâng Thánh vương kia
Vàng, bạc, xe bảo vũ
Các thần đều hộ vệ
Ngày đêm được hưởng phước.*

Bấy giờ có Phật xuất hiện ở đời giáo hóa nhân dân, hiệu là Di-lặc, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu Phật Chúng Hựu.

Trưởng giả nên biết, quan điển tàng Thiện Bảo lúc đó há là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Chủ kho bấy giờ chính là trưởng giả hiện nay vậy.

4. Hán: Viên cổ 員鼓.

5. Hán: Bê cổ 鞞鼓.

6. Xem kinh số 3 phẩm 48.

7. Bản Hán có thể nhảy sót nên đoạn văn thiếu mạch lạc.

8. Bảo vũ xa 寶羽車, xe có gắn lông chim; xem kinh số 1 phẩm 23.

9. Mật-si 蜜緡, trên kia chép Mật-đế.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Bấy giờ vua Tương-khư đem vàng bạc đi làm phước đức rộng rãi. Vua dẫn theo tám vạn bốn ngàn đại thần vây quanh trước sau đi đến chỗ Di-lặc mà xuất gia học đạo. Quan điểm tàng cũng làm phước đức rộng rãi, rồi cũng xuất gia học đạo, chấm dứt biên tế khổ. Đấy đều là do trưởng giả dắt dẫn bốn con khiến tự quy y Phật, Pháp, Tăng Tỳ-kheo. Do bởi công đức này mà không rơi vào ba nẻo dữ. Lại do duyên đức này mà được bốn kho báu lớn. Cũng do bởi báo ứng này mà làm người quản lý kho tàng cho vua Tương-khư, rồi ngay trong đời ấy mà chấm dứt biên tế khổ. Vì sao? Công đức quy y Phật, Pháp, Tăng không thể lường hết được. Những ai tự quy y Phật, Pháp, Tăng, phước đức đều như vậy.

Cho nên, này trưởng giả, hãy thương tưởng đến các loài hữu hình, tìm cầu phương tiện hưởng đến Phật pháp. Như vậy, trưởng giả, hãy học điều này.

Trưởng giả A-nan-bân-đề khi ấy hoan hỷ phấn khởi không thể dừng được, liền rời chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu Phật ba vòng, làm lễ rồi lui đi. Bốn người con của ông cũng vậy.

Bấy giờ trưởng giả A-na-bân-đề cùng với bốn con nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 8¹⁰

Nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ trưởng giả A-na-bân-đề thân mang trọng bệnh. Xá-lợi-phất, bằng Thiên nhãn thanh tịnh không bợn dơ, thấy trưởng giả A-na-bân-đề thân mang trọng bệnh, bèn nói với A-nan:

–Thầy cùng tôi đi đến trưởng giả A-na-bân-đề thăm viếng.

A nan đáp:

–Nên biết bây giờ là đúng lúc.

Lúc bấy giờ, đến giờ, A-nan khoác y ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực; lần hồi đi đến nhà trưởng giả A-na-bân-đề, ngồi lên chỗ ngồi. Khi ấy Xá-lợi-phất đang ở trên chỗ ngồi, nói với trưởng giả A-na-bân-đề:

–Bệnh của ông nay có thêm bớt gì không? Có thấy đau nhức bớt dần mà không tăng thêm nặng không?

Trưởng giả đáp:

–Bệnh của con giờ rất ít hy vọng. Chỉ cảm thấy tăng chứ không cảm thấy giảm.

Xá-lợi-phất nói:

–Bây giờ trưởng giả hãy nhớ tưởng Phật, rằng Như Lai là Bạc Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu Phật Chúng Hựu. Ông cũng hãy nhớ tưởng pháp, rằng pháp của Như Lai rất sâu thẳm, đáng tôn, đáng quý, không gì sánh bằng, là điều mà Hiền thánh tu hành. Ông cũng hãy nhớ tưởng Tăng, rằng Thánh chúng của Như Lai hòa thuận trên dưới, không tranh tụng, thành tựu pháp tùy pháp. Thánh chúng ấy thành tựu giới, thành tựu Tam-muội, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát kiến tuệ. Tăng ấy gồm bốn đôi tám hạng. Đây gọi là Thánh chúng của Như Lai đáng

¹⁰. Tham chiếu Pāli, M. 143. Anāthapiṇḍokovāda (R. iii. 257). Hán, Trung 6, kinh 28.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

tôn, đáng quý, là ruộng phước vô thượng của thế gian.

Này trưởng giả, nếu ai tu hành niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng Tỳ-kheo, phước đức ấy không thể tính kể, đạt đến chỗ cam lộ diệt tận.

Nếu thiện nam, thiện nữ, niệm Tam tôn Phật, Pháp, Thánh chúng, mà đọa vào ba nẻo dữ, không có trường hợp ấy. Thiện nam, thiện nữ ấy tu niệm Tam tôn chắc chắn đi đến cõi lành, sinh lên trời, trong loài người.

Rồi sau đó, này trưởng giả, không khởi nơi sắc¹¹, cũng không y sắc mà khởi nơi thức¹² không khởi nơi thanh, cũng không y thanh mà khởi nơi thức; không khởi hương, cũng không y hương mà khởi nơi thức; không khởi nơi vị, cũng không y vị mà khởi nơi thức; không khởi nơi xúc trơn mịn, cũng không y xúc trơn mịn mà khởi nơi thức; không khởi nơi ý, cũng không y ý mà khởi nơi thức. Không khởi đời này, đời sau¹³, cũng không y đời này, đời sau mà khởi nơi thức. Không khởi nơi ái, cũng không y ái mà khởi nơi thức. Vì sao? Duyên ái mà có thủ; duyên thủ mà có hữu; duyên hữu mà có sinh, chết, sầu ưu khổ não không thể kể hết. Đó là có năm khổ thành ấm này.

Không có ngã, nhân, thọ mạng, sĩ phu, manh triệu, các loài hữu hình¹⁴. Khi mất khởi thì khởi, không biết nó từ đâu đến. Khi mất diệt thì diệt, không biết nó đi về đâu. Không có, mà mất sinh; đã có, rồi mất diệt; thấy đều do nhân duyên của các pháp tụ hội. Nói là pháp nhân duyên, đó là, duyên cái này mà có cái kia; cái này không thì cái kia không. Tức là, duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có sáu nhập (xứ), duyên sáu nhập (xứ) có xúc*, duyên xúc có thọ*, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ*, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sinh, duyên sinh có chết, duyên chết có sầu ưu khổ não không thể kể xiết. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng vậy. Không có, mà sinh; đã có, rồi diệt; không biết nó từ đâu đến cũng không biết nó đi về đâu; thấy đều do nhân duyên của các pháp tụ hội. Này trưởng giả, đó gọi là pháp hành Không đệ nhất.

Bấy giờ trưởng giả A-na-bân-đề buồn rầu rơi lệ không thể tự dừng. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi A-na-bân-đề:

– Vì nhân duyên gì mà ông bi cảm như vậy?

Trưởng giả đáp:

– Không phải con bi cảm. Vì sao? Xưa con đã nhiều lần thừa sự Phật, cũng tôn kính các Tỳ-kheo trưởng lão, nhưng chưa hề nghe được pháp tôn quý như vậy, như những điều mà Xá-lợi-phất giảng dạy.

Khi ấy A-nan nói với A-na-bân-đề:

– Trưởng giả nên biết, thế gian có hai hạng người được Như Lai nói đến. Những gì là hai? Một là biết lạc, hai là biết khổ. Người đã quen sống với lạc kia, như thiện gia nam tử Da-thâu-đề. Người quen sống với khổ kia như Tỳ-kheo Bà-già-lê. Lại nữa, này trưởng giả, Tỳ-kheo Da-thâu-đề giải Không đệ nhất. Người được tín giải thoát là Tỳ-kheo Bà-già-lê.

¹¹. Hán: Bất khởi ư sắc 不起於色. Pāli: Na cakkhum upādiyissāmi, tôi không chấp thủ sắc; nhưng bản Hán đọc là uppādessāmi, tôi sẽ không khởi.

¹². Pāli: Na ca me cakkhunissitam viññānam bhavissati, tôi cũng không thức y nơi mắt.

¹³. Hán: Kim thế, hậu thế. Pāli: Idhalokam, paralokam, thế giới này, thế giới khác.

¹⁴. Các từ khác nhau chỉ tự ngã: Ngã 我 (Pāli: Attā, Skt. Ātman), nhân 人 (Pāli: puggala, Skt. pudgala), thọ mạng 壽命 (Pāli, Skt.: jīva), sĩ phu 士夫 (Pāli: Purisa, Skt. Puruṣa), manh triệu 萌兆 (= bằng triệu? có dấu hiệu nảy mầm, Pāli, Skt. Bhūta, mầm sống, sinh vật, linh vật).

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Lại nữa, này trưởng giả, người biết khổ và người biết lạc, cả hai đều tâm được giải thoát, cả hai đều là đệ tử của Như Lai, không ai có thể sánh bằng. Bởi vì họ không chìm mất (chết), cũng không sinh.¹⁵ Cả hai đều tinh cần vâng lời Phật dạy không biếng nhác, bỏ phước. Nhưng vì tâm có sự tăng giảm, nên người ta có kẻ biết, có kẻ không biết. Đúng như trưởng giả đã nói: “Xưa con đã nhiều lần thừa sự Phật, cũng tôn kính các Tỳ-kheo trưởng lão, nhưng trước đây chưa hề nghe được pháp tôn quý như vậy, như những điều mà Xá-lợi-phất giảng dạy.” Tỳ-kheo Da-thâu-đề nhìn nơi đất mà tâm được giải thoát. Tỳ-kheo Bà-già-lê quán sát nhìn con dao mà tức thì tâm được giải thoát. Cho nên, này trưởng giả, nên làm như Tỳ-kheo Bà-già-lê.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp một cách rộng rãi, khiến ông hoan hỷ, khiến phát tâm vô thượng. Sau đó, ngài rời chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

Xá-lợi-phất đi chưa bao lâu, giây lát A-na-bân-đề mạng chung, sinh lên trời Tam thập tam. Thiên tử A-na-bân-đề này có năm công đức hơn hẳn chư Thiên kia. Những gì là năm? Thọ mạng cõi trời, nhan sắc cõi trời, lạc thú cõi trời, oai thần cõi trời và ánh sáng cõi trời. Thiên tử A-na-bân-đề khi ấy suy nghĩ như vậy: “Ta có được thân này là do ân đức của Như Lai. Nay ta không nên an trú mà hưởng thụ nơi ngũ dục. Trước hết, hãy đến Thế Tôn lễ bái, thăm hỏi.

Rồi Thiên tử A-na-bân-đề với các Thiên tử khác vây quanh trước sau cầm hoa trời rải lên thân Như Lai. Như Lai lúc ấy đang ở trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Vị Thiên tử này đứng giữa hư không, chấp tay hướng về Thế Tôn mà nói bài kệ:

*Đây là cõi Kỳ hoàn
Chúng Tiên nhân¹⁶ đang ở
Nơi Pháp vương ngự trị
Khiến phát tâm hoan hỷ.*

Thiên tử A-na-bân-đề nói xong bài kệ này, Như Lai im lặng hứa khả. Liên khi ấy, vị Thiên tử này nghĩ: “Như Lai đã im lặng hứa khả, ta nên xả thân tức để xuống hầu một bên.”

Bấy giờ Thiên tử A-na-bân-đề bạch Thế Tôn rằng:

–Con là Tu-đạt, lại tên là A-na-bân-đề mà mọi người đều rõ, lại cũng là đệ tử của Như Lai, vâng lời dạy của Thánh Tôn. Nay con đã mạng chung, sinh lên trời Tam thập tam.

Thế Tôn nói:

–Ông do ân đức gì mà nay được thân trời này?

Thiên tử bạch Phật:

–Con mong nhờ oai lực của Phật mà được thân trời.

Rồi Thiên tử A-na-bân-đề rải hoa trời lên trên thân Như Lai và cũng rải lên trên thân của A-nan và Xá-lợi-phất. Sau đó, đi nhiều khắp Kỳ hoàn bảy vòng và biến mất.

Bấy giờ Thế Tôn nói với A-nan:

–Đêm qua có Thiên tử đến chỗ Ta, nói bài kệ sau đây:

*Đây là cõi Kỳ hoàn
Chúng Tiên nhân đang ở*

¹⁵. Pāli, A-nan hỏi Cấp Cô Độc: Oliyasi kho tvam, gahapati, saṃsīdasi kho tvam, gahapati? “*Gia chủ, ông đang bám chặt lấy (sự sống), hay đang chìm lìm (chết)?*”

¹⁶. Tiên nhân chúng; Tiên nhân ở đây chỉ Phật. Chúng, dịch nghĩa của Tăng. Pāli: Isisaṅgha.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Nơi Pháp vương ngự trị

Khiến phát tâm hoan hỷ.

Rồi Thiên tử ấy đi nhiều khắp Kỳ hoàn bảy vòng và lui mất. A-nan, ông có biết Thiên tử ấy không?

A-nan đáp:

–Tất nhiên là trưởng giả A-na-bân-đề.

Phật nói:

–A-nan, đúng như lời ông nói. Lành thay, ông bằng trí vị trí¹⁷ mà biết được Thiên tử ấy. Vì sao? Vị đó là Thiên tử A-na-bân-đề.

A-nan bạch Phật:

–A-na-bân-đề nay sinh lên trời, tên là gì?

Phật đáp:

–Vẫn tên là A-na-bân-đề. Vì sao? Vị Thiên tử này ngay ngày mới sinh chư Thiên ở đó ai cũng nói: “Thiên tử này khi còn ở loài người là đệ tử của Như Lai, luôn luôn với đấng tâm mà bố thí rộng khắp, giúp đỡ hết thảy những người nghèo khổ. Do công đức này, ở trên trời Tam thập tam vẫn gọi tên cũ là A-na-bân-đề.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Tỳ-kheo mà có công đức lớn, thành tựu trí tuệ, đó là A-nan. Nay đang ở địa vị hữu học mà trí tuệ không ai sánh bằng. Vì sao? Điều cần học nơi chư Phật quá khứ, A-nan cũng đều biết rõ. Thời quá khứ có người nghe rồi mới hiểu rõ, còn như Tỳ-kheo A-nan hiện nay mới nhìn ngắm cũng biết rõ, rằng: “Như Lai cần như vậy, Như Lai không cần như vậy.” Đệ tử của chư Phật quá khứ nhập định rồi mới biết sự việc chưa xảy ra. Còn như Tỳ-kheo A-nan của Ta ngày nay nhìn đến là tỏ rõ.

Rồi Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

–Trong hàng Thanh văn của Ta, hiểu biết rộng rãi, có tinh tấn dũng mãnh, niệm không thác loạn, đa văn đệ nhất, có khả năng chấp sự, đó là Tỳ-kheo A-nan.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 9¹⁸

Nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc. Bấy giờ trưởng A-na-bân-đề có người con dâu tên là Thiện Sinh,¹⁹ dung mạo xinh đẹp, mặt như màu hoa đào, là con gái của vị đại thần của vua Ba-tư-nặc,²⁰ ỷ vào dòng họ, cậy thế hào tộc, không cung kính cha mẹ chồng và chồng, cũng không thờ Phật, Pháp, Tăng Tỳ-kheo, không kính phụng Tam tôn.

Bấy giờ trưởng giả A-nan-bân-đề đi đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi

¹⁷. Vị trí trí 未知智, chỉ trí tuệ của bậc Hữu học. Pāli: Anaññāta.

¹⁸. Tham chiếu Pāli, A.VII 59 Sattabhariyā (R. iv. 91).

¹⁹. Thiện Sinh 善生, Pāli: Sujātā.

²⁰. Theo tài liệu Pāli, cô là em gái út của bà Visakhā, con của Trưởng giả Dhanañjayasetthi.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

xuống một bên. Ông trưởng giả bạch Thế Tôn rằng:

–Gần đây con cưới vợ cho con trai. Nàng ấy là con gái của vị đại thần của vua Batur-nặc, tự thị dòng tộc trọng vọng, không thừa sự Tam tôn, không biết trưởng lão, tôn ti. Cúi mong Thế Tôn thuyết pháp để nàng sinh hoan hỷ, tâm ý khai tỏ.

Như Lai khi ấy im lặng hứa khả điều mà trưởng giả nói. Ông trưởng giả lại bạch Phật:

–Cúi mong Thế Tôn nhận lời thỉnh của con, cùng với Tăng Tỳ-kheo.

Khi ông trưởng giả thấy Thế Tôn im lặng nhận lời, liền rời chỗ ngồi đứng dậy, lay Phật, nhiễu ba vòng, rồi lui về.

Về đến nhà, ông cho sửa soạn các thứ ẩm thực, trải dọn chỗ ngồi tốt đẹp. Khi đến giờ, ông bạch Phật:

–Cúi xin Thế Tôn nhận lời thỉnh của con. Cơm đã dọn đủ.

Bấy giờ Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo vây quanh trước sau đi nhà ông trưởng giả, ngồi lên chỗ ngồi dọn sẵn. Ông trưởng giả lấy một cái ghế nhỏ, ngồi trước Như Lai. Rồi Thế Tôn nói với cô Thiện Sinh:

–Này con gái ông trưởng giả, nên biết, chồng đối với vợ có bốn việc²¹. Những gì là bốn?

1. Có người vợ như là mẹ.
2. Có người vợ như là bạn thân.
3. Có người vợ như là giặc.
4. Có người vợ như là nô tỳ.

Cô nên biết, vợ như mẹ, ấy là tùy thời chăm sóc chồng không để thiếu thốn, thờ kính, phục vụ. Người ấy được chư Thiên hộ vệ; người và loài phi nhân không thể rình cơ hội. Này con gái ông trưởng giả, đó gọi là vợ như mẹ.

Người vợ kia như thế nào gọi là bạn thân? Ở đây, này con gái ông trưởng giả, sau khi thấy chồng rồi, tâm không tăng giảm, cùng chung vui hay khổ. Đó gọi là vợ như bạn thân.

Thế nào gọi vợ như giặc? Ở đây, này cô, khi thấy chồng, lòng ôm sân nhuế, ganh ghét chồng, không phục vụ, không thờ kính, không cung kính, thấy là muốn hại, mà tâm để nơi người khác. Chồng không thân vợ, vợ cũng không thân chồng. Người ấy không được mọi người yêu kính; không được chư Thiên hộ vệ, sẽ bị ác quỷ xâm hại; thân hoại mạng chung sinh vào địa ngục. Người như vậy gọi là vợ như giặc.

Thế nào là vợ như nô tỳ? Ở đây, người vợ hiền lương, thấy chồng thì tùy thời chăm sóc, nhẫn nhịn lời nói, không bao giờ cãi lại; nhẫn chịu khổ lạnh, hằng có tâm từ ái. Đối với Tam tôn thì sinh niệm tưởng này: “Kia còn thì tôi còn. Kia suy thì tôi suy.” Do sự việc ấy, người ấy được chư Thiên hộ vệ; người và loài phi nhân đều yêu mến; thân hoại mạng chung sinh vào chỗ lành, sinh lên trời.

Đó là, này con gái ông trưởng giả, có bốn loại vợ này. Nay cô thuộc vào loại nào?

Cô gái ấy sau khi nghe Thế Tôn nói, liền đến trước Phật, lay dưới chân rồi bạch Thế Tôn rằng:

–Cúi lay Thế Tôn, con nay xin sửa đổi việc đã qua, tu tập việc sẽ đến. Không còn dám như trước nữa. Từ nay về sau, con sẽ thường hành lễ pháp như là nô tỳ vậy.

Rồi nàng Thiện Sinh trở lại chỗ chồng, cúi đầu lay dưới chân:

²¹. Pāli: Có bảy loại vợ.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

–Nay xin nguyện chăm sóc người như là nô tỳ.

Sau đó, nàng Thiện Sinh lại đến Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn lần lượt thuyết pháp, nói về giới, về thí, về sinh Thiên, dục là bất tịnh tướng, dâm là đại ô uế. Khi Thế Tôn biết tâm ý cô đã khai tỏ, như pháp mà chư Phật thường thuyết là Khổ, Tập, Tận, Đạo; bấy giờ Thế Tôn cũng nói hết cho cô nghe. Tức thì ngay trên chỗ ngồi, cô được Pháp nhãn thanh tịnh. Như tấm vải mới để nhuộm màu. Đây cũng như vậy, cô phân biệt các pháp, khéo hiểu ý nghĩa thâm diệu, tự quy y Tam tôn, thọ năm giới.

Bấy giờ cô gái Thiện Sinh nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 10

Nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Kỳ thọ Cấp cô độc.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân rồi ngồi xuống một bên. Giây lát, rời chỗ ngồi, bạch Thế Tôn rằng:

–Thế Tôn thường khen ngợi địa vị cao, hào tộc tôn quý mà không nói đến hạng thấp hèn. Còn con, bạch Thế Tôn, không khen ngợi hào tộc tôn quý, cũng không nói đến hạng thấp hèn. Con giữ bậc trung mà nói, khiến người được xuất gia học đạo.

Phật nói với Xá-lợi-phất:

–Ông tự nói là không khen ngợi hào tộc tôn quý, không nói hạng thấp hèn, giữ bậc trung mà nói, để khiến người được xuất gia học đạo. Nhưng Ta nay không nói thượng, trung, hạ dẫn đến thọ sinh²². Vì sao? Phàm sinh là rất khổ, không đáng để ước nguyện. Như đồng phân kia, một ít mà còn rất hôi thối, huống chi là chứa nhiều. Nay sự thọ sinh cũng vậy. Một đời hay hai đời còn là khổ nạn, huống nữa lưu chuyển vô cùng mà lại có thể cam chịu. Do hữu mà có sinh. Do sinh mà có già. Do già mà có bệnh, có chết, sầu ưu khổ não, có gì vui mà tham đắm? Như thế thành thân năm thanh ấm.

Ta nay sau khi quán sát nghĩa này, nên nói một đời, hai đời, còn là khổ nạn, huống nữa lưu chuyển vô cùng mà lại có thể cam chịu.

Này Xá-lợi-phất, nếu có ý muốn thọ sinh, nên phát nguyện sinh vào nhà hào quý chứ không sinh thấp hèn. Vì sao? Xá-lợi-phất, chúng sinh đê mạt bị tâm trời buộc chứ không phải bị hào quý trời buộc. Nhưng này, Xá-lợi-phất, Ta vốn ở nhà hào quý, là dòng Sát-lợi, xuất từ Chuyển luân thánh vương. Giả sử không xuất gia học đạo, Ta làm Chuyển luân thánh vương. Nay xả ngôi vị Chuyển luân thánh vương mà xuất gia học đạo, thành đạo Vô thượng. Phàm sinh vào nhà thấp hèn, không được xuất gia học đạo, ngược lại phải rơi vào nẻo dữ. Cho nên, Xá-lợi-phất, hãy tìm cầu phương tiện hàng phục tâm. Như vậy, Xá-lợi-phất, hãy học điều này.

Bấy giờ Xá-lợi-phất nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.



²². Hán: Thọ sinh phần 受生分.